

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-ST
Ngày 23/9/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Lâm;
2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Thị Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2020/QĐST-DS, ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã TH, huyện B, tỉnh Hà Nam. Địa chỉ liên lạc: Số A, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Doan Thi Huyen Tr, sinh năm 1995. Hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ liên lạc: Số A, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Bui Van D, sinh năm 1986; địa chỉ: H, đường I, Khu phố K, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 27/5/2020 của ông Nguyễn Ngọc T và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là bà Doan Thi Huyen Tr trình bày:

Ông Nguyen Ngoc T kinh doanh sắt thép tại cửa hàng kinh doanh sắt thép tọa lạc tại đường V, Khu phố Z, phường TĐ, thị xã BC, tỉnh Bình Dương. Ông Bui Van D là khách hàng thường xuyên mua sắt thép của cửa hàng T Phát.

Do là chỗ quen biết nên ngày 19/01/2020, ông T có cho ông D vay số tiền 71.492.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay nợ đề ngày 19/1/2020 với nội dung ông T cho ông D vay số tiền 71.492.000 đồng, ông D hẹn đến ngày 05/02/2020 âm lịch tức ngày 27/02/2020 dương lịch sẽ trả nợ cho ông T. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 1.5%/tháng. Giấy vay tiền do ông T viết và hai bên ký tên. Đối với tiền lãi ông D không thanh toán hàng tháng mà hai bên thỏa thuận đến ngày 27/02/2020 ông D thanh toán tiền gốc thì sẽ thanh toán một lần tiền lãi. Ông D không thể chấp giấy tờ, tài sản gì cho ông T.

Đến hạn ông D không thanh toán tiền nợ cho ông T như đã thỏa thuận, ông T liên hệ yêu cầu ông D thanh toán tiền nhưng ông D không trả tiền mà còn thách thức ông T đi khởi kiện.

Nay nguyên đơn yêu cầu ông Bui Van D phải trả số tiền nợ gốc là 71.492.000 đồng và lãi suất theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận trong giấy vay nợ ngày 19/01/2020 là 1,5%/tháng tính từ ngày 19/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Bị đơn ông Bui Van D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu phản tố của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông T nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông Bui Van D.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn bà Doan Thi Huyen Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông Bui Van D đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự; thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm; Đại diện hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 27/05/2020, ông Nguyen Ngoc T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Bui Van D phải trả số tiền đã vay của ông T là 71.492.000đ và lãi suất theo thỏa thuận trong giấy vay nợ ngày 19/01/2020 là 1,5%/tháng, tính từ ngày 19/01/2020 đến khi xét xử sơ thẩm nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Bị đơn ông Bui Van D có hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn là bà Doan Thi Huyen Tr có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Bui Van D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ngày 19/01/2020, ông Nguyen Ngoc T cho ông Bui Van D vay số tiền 71.492.000 đồng. Hai bên có lập giấy vay nợ có chữ ký, chữ viết họ tên của người cho vay là ông Nguyen Ngoc T và người vay là ông Bui Van D. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định pháp luật nên hợp đồng có giá trị pháp lý và phát sinh hiệu lực đối với các bên.

[2.2] Ông Nguyen Ngoc T cho ông Bui Van D vay số tiền 71.492.000 đồng, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán là ngày 05/02/2020 (âm lịch) tức ngày 27/02/2020 (dương lịch) nhưng đến hạn ông D không thanh toán nợ cho ông T. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 27/5/2020, ông T khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán nợ là đúng quy định của tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong vụ án, không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ông D đã thanh toán cho ông T một phần hay toàn bộ số tiền đã vay. Ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản nêu ý kiến phản đối hay yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, không cung cấp tài liệu chứng cứ đã trả nợ. Do đó, ông T yêu cầu ông D phải trả số tiền nợ gốc là 71.492.000đ đồng là có căn cứ.

[2.3]. Về lãi suất: Xét thấy theo nội dung hợp đồng vay ngày 19/1/2020, các bên thỏa thuận lãi suất là 1.5%/tháng, thỏa thuận này không vượt quá mức lãi suất 20%/năm được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T trình

bày kể từ ngày vay tiền ông D chưa thanh toán khoản tiền lãi nào cho ông T và ông D cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi. Như vậy, ông D phải có trách nhiệm trả cho ông T khoản tiền lãi kể từ ngày vay là 19/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2020 là 08 tháng 4 ngày, cụ thể: $71.492.000đ \text{ đồng} \times 1.5\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} \times 4 \text{ ngày} = 8.722.024 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền ông D phải trả cho ông T là 80.214.024 đồng, trong đó nợ gốc: 71.492.000 đồng; lãi suất: 8.722.024 đồng.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyen Ngoc T đối với bị đơn ông Bui Van D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[3]. Tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Bui Van D phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 80.214.024 đồng tương đương với số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.010.701 đồng; nguyên đơn ông Nguyen Ngoc T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyen Ngoc T đối với bị đơn ông Bui Van D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Bui Van D phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyen Ngoc T số tiền 80.214.024đ (tám mươi triệu hai trăm mười bốn ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc: 71.492.000đđ (bảy mươi một triệu bốn trăm chín mươi hai ngàn đồng) và lãi suất là 8.722.024đ (tám triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn không trăm hai mươi bốn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Bui Van D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền: 4.010.701đ (bốn triệu không trăm mười ngàn bảy trăm linh một đồng).

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 1.895.000đ (một triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050005, ngày 09/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

4. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nga